

CÔNG TY CỔ PHẦN HAPPY LAND VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HAPPY LAND VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAPPY LAND VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107656676

3. Ngày thành lập: 06/12/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà NVI, khu đô thị Dream Town, đường 70, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989298388

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhiên liệu, dầu mỡ nhờn, dầu bôi trơn như: - Than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha; - Dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa; - Khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hoá lỏng; - Dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế	4661
2.	Xây dựng nhà các loại	4100
3.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
4.	Trồng cây hàng năm khác	0119
5.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (loại nhà nước cho phép)	4620(Chính)
7.	Bán buôn gạo	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632

9.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán lẻ đèn và bộ đèn; - Bán lẻ dụng cụ gia đình và dao kéo, dụng cụ cắt gọt; hàng gốm, sứ, hàng thủy tinh; - Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện; - Bán lẻ thiết bị gia dụng; - Bán lẻ nhạc cụ;	4759
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.	4649
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, véc ni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su...	4663
12.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
13.	Chăn nuôi lợn	0145
14.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
15.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
16.	Đào tạo cao đẳng	8541
17.	Đào tạo đại học và sau đại học	8542

18.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
19.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
20.	Xây dựng công trình công ích	4220
21.	Phá dỡ	4311
22.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
23.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
24.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
25.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
26.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
27.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
28.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
29.	Bán mô tô, xe máy	4541
30.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
31.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
32.	Trồng cây ăn quả	0121
33.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
34.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
35.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
36.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
37.	Trồng lúa	0111
38.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
39.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
40.	Trồng cây mía	0114
41.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
42.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
43.	Trồng cây lâu năm khác	0129
44.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
45.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
46.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
47.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
48.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
49.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
50.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
51.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

52.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
53.	Bốc xếp hàng hóa	5224
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá	5229
55.	Giáo dục mầm non	8510
56.	Giáo dục tiểu học	8520
57.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
58.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính	8559
59.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
60.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
61.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
62.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
63.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
64.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
65.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
66.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
67.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (loại nhà nước cho phép)	8299
69.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
70.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
71.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
72.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
73.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
74.	Chăn nuôi gia cầm	0146
75.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
76.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
77.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
78.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
79.	(đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động, kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN LÊ HẰNG	P406, CT1-2 khu đô thị Mỹ Trì Hạ, TDP số 4, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	64.600	646.000.000	34,000	025183000510	
			Tổng số	64.600	646.000.000	34,000		
2	KIỀU XUÂN HẢI	Đội 11, thôn Yên Lạc, Xã Cần Kiệm, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	62.700	627.000.000	33,000	111846527	
			Tổng số	62.700	627.000.000	33,000		

3	TRỊNH THỊ TÚ ANH	Đội 1, thôn Đan Thê, Xã Sơn Đà, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	62.700	627.000.000	33,000	111633670	
			Tổng số	62.700	627.000.000	33,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN LỆ HẰNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/02/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 025183000510

Ngày cấp: 15/03/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKDL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P406, CT1-2 khu đô thị Mỹ Trì Hạ, TDP số 4, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P406, CT1-2 khu đô thị Mỹ Trì Hạ, TDP số 4, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội